

CHIẾN THẮNG B.52 VỚI THẮNG LỢI CỦA NGOẠI GIAO VIỆT NAM THỜI KỲ CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

PGS. TS. Vũ Quang Vinh*

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV khẳng định: “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”¹. Trong đó, Chiến thắng B.52 - Chiến thắng quyết định buộc Hoa Kỳ phải ký Hiệp định Paris về Việt Nam (tháng 1/1973), góp phần thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh: “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”².

Chiến thắng B.52 - Một yếu tố quyết định thắng lợi của Ngoại giao Việt Nam thời kỳ chống Mỹ, cứu nước

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 (tháng 3/1965) chỉ rõ cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam là một đóng góp to lớn vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới chống chủ nghĩa đế quốc do Mỹ cầm đầu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Từ đầu những năm 1960, Mỹ tăng cường dính líu vào chiến tranh Việt Nam vì chiến lược toàn cầu “phản ứng linh hoạt” nhằm dập tắt ngọn cờ đầu của phong trào giải phóng dân tộc, ngăn chủ nghĩa cộng sản lan xuống Đông Nam Á.

* Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Từ đầu những năm 1970, để rút ra khỏi chiến tranh Việt Nam, Mỹ lại phải điều chỉnh chiến lược toàn cầu, hoà hoãn với Trung Quốc và Liên Xô rồi bỏ mặc chính quyền Sài Gòn sụp đổ năm 1975. Giữa năm 2007, nguyên Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ H. Kissinger thừa nhận: “Việt Nam là một phần của Chiến tranh lạnh, một cuộc xung đột về địa - chính trị cũng như về tư tưởng”... “Thất bại ở Việt Nam đã để lại hậu quả lâu dài ở những nước tin cậy vào sự bảo vệ của Mỹ”³.

Từ tháng 8/1964, Mỹ bắt đầu bắn phá miền Bắc và từ đầu năm 1965, đưa quân Mỹ và chư hầu vào Nam Việt Nam, mở rộng chiến tranh xâm lược. Trên thế giới, Mỹ mở nhiều chiến dịch ngoại giao bịp bợm: “miền Bắc tấn công một quốc gia độc lập”, Mỹ

“có trách nhiệm bảo vệ tự do ở nơi này”; miền Bắc phải “chấm dứt xâm lược”; “hai bên cùng rút quân”; “đàm phán không điều kiện”. Mỹ dùng nhiều nước làm trung gian nhằm tác động vào ta, tập hợp lực lượng theo Mỹ và chia rẽ đồng minh của Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã sáng suốt xác định đúng chiến lược cách mạng và chiến lược đánh Mỹ. Từ cuối thập kỷ 50 của thế kỷ trước, Đảng ta đã khẳng định Việt Nam đồng thời tiến hành hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Từ bối cảnh quốc tế và xác định đúng sức mạnh, hạn chế của Mỹ: “có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất trong phe đế



Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình ký Hiệp định Chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam (ngày 27/01/1973)

Ảnh: TL

quốc", nhưng "... tình hình chung trên thế giới hiện nay cũng như tình hình riêng của nước Mỹ không cho phép Mỹ sử dụng được hết sức mạnh về kinh tế và quân sự của chúng trong cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam"⁴; "dù đế quốc Mỹ đưa vào mấy chục vạn quân... về chiến lược, chúng ngày càng lâm vào thế bị động, càng sa lầy và thất bại. Quân đội viễn chinh Mỹ cũng không thể nào cứu vãn được nguy quân, nguy quyền khỏi sự sụp đổ tất yếu"⁵, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 (tháng 12/1965) đã xác định chiến lược đánh Mỹ: "...

chúng ta không chủ trương đánh và tiêu diệt đến tên lính Mỹ cuối cùng ở miền Nam và bắt đế quốc Mỹ đầu hàng vô điều kiện... Chúng ta chủ trương đập tan được ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, bắt chúng phải thừa nhận những điều kiện của chúng ta!"⁶. Từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị: "... đối với Mỹ phải có cách chủ động để đi tới cho nó rút ra, vì rất phức tạp. Một tay đánh, một tay mở cho nó ra, trước cửa cần có rèm chống"⁷. Ngay từ năm 1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu chủ trương "Nhân dân Việt Nam sẵn sàng "trả thảm đở và rắc hoa cho Mỹ rút"⁸.

Sau thắng lợi Tết Mậu Thân, ngày 3/6/1968, Người nhận định: "Đế quốc Mỹ chán rồi, nhưng rút ra thế nào. Thua mà danh dự. Đó là điều Mỹ muốn"⁹. Do đó, ngày 1/1/1969, Người vạch kế hoạch kết thúc chiến tranh theo hai bước: "Đánh cho Mỹ rút, đánh cho nguy nhào"¹⁰. Hội nghị cũng nêu chủ trương: "... tập trung lực lượng cả nước, kiên quyết đánh địch và thắng địch trên chiến trường chính là miền Nam cũng tức là kiên trì phương châm ra sức hạn chế cuộc chiến tranh xâm lược của địch và thắng địch trong cuộc chiến tranh hạn chế"¹¹.

Phương châm này làm yên lòng những lực lượng trên thế giới lúc đó còn có tâm lý phục Mỹ và sợ Mỹ, ngại chiến tranh có thể lan rộng từ Việt Nam ra thế giới, thể hiện rõ trách nhiệm của nhân dân ta với hòa bình thế giới, góp phần đặc lực vào việc tập hợp lực lượng của ta.

Khi bước vào cuộc chiến tranh lớn, mặc dù “có quan điểm của những nước lớn trong phe ta mà chiến lược trên thế giới có khác với chúng ta, cho nên từ nội dung cho đến giọng nói cao thấp cũng khác với chúng ta”¹² nhưng với tinh thần độc lập tự chủ, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 vẫn xác định chính xác phương thức đấu tranh và thời điểm thực hiện phương thức đánh - đàm: “Giữ vững sự đoàn kết với phe ta, tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ của phe ta là vấn đề chiến lược. Còn vấn đề đánh và đàm là vấn đề sách lược”¹³. “... lúc này chưa có điều kiện chín muồi cho một giải pháp chính trị về vấn đề Việt Nam. Chỉ khi nào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ bị đè bẹp, những mục tiêu độc lập, hòa bình, dân chủ, trung lập của nhân dân miền Nam được bảo đảm thì ta mới có thể thương lượng để giải quyết vấn đề Việt Nam”¹⁴. Triển

khai chủ trương đó, từ 1965 đến 1967, ta kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.

Cuộc tổng tấn công và nổi dậy Tết Mậu Thân (năm 1968) đã đánh bại ý chí xâm lược của địch. Hàng nghìn máy bay Mỹ bị bắn rơi ở miền Bắc. Phát huy thắng lợi trên chiến trường, từ tháng 5/1968, ta mở cục diện vừa đánh vừa đàm. Từ giữa năm 1969 và năm 1972, Mỹ buộc phải đơn phương rút 515.000 quân¹⁵ (trong tổng số 543.400 quân). Từ năm 1971, chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ đã bị nhiều tổn thất nặng nề. Cuộc tấn công chiến lược Xuân - Hè năm 1972, nhất là ở hướng chính là Quảng Trị, cho thấy nếu không có sự yểm trợ mãnh liệt của B.52 và pháo hạm Mỹ thì chính quyền Sài Gòn không thể đứng vững. Từ đó ta đã quyết định trao cho phía Mỹ “Dự thảo Hiệp nghị về chấm dứt chiến tranh” và “Dự thảo về thỏa thuận quyền tự quyết của nhân dân miền Nam”, khái quát những thỏa thuận đã đạt được giữa Việt Nam và Mỹ về một giải pháp đã thảo luận trong thời gian qua (ngày 8/10/1972). Cuộc đàm phán đi vào thực chất từ ngày 8-12/10/1972. Để đáp ứng đòi hỏi của dư luận Mỹ và thế giới nhằm

vượt qua bầu cử, ngày 13/10/1972, đoàn Mỹ thông báo với đoàn Việt Nam rằng Tổng thống Nixon chấp nhận Dự thảo hai bên đã thỏa thuận. Ngày 20/10/1972, Tổng thống Nixon gửi Công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng xác nhận: “Văn bản Hiệp định coi như đã hoàn thành” và thông báo Kissinger sẽ đến Hà Nội từ ngày 24 đến ngày 31/10/1972 để ký tắt. Với bản chất lật lọng, trá trở, ngày 25/10/1972, Nixon gửi công hàm đề nghị hai bên có cuộc gặp riêng để bàn thêm một số vấn đề và xin hoãn việc Kissinger đến Hà Nội. Trước khả năng trì hoãn để lật lọng của Mỹ, ngày 26/10/1972, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố 4 văn kiện hai bên đã thỏa thuận và đòi Mỹ ký ngay văn bản đã được hai chính phủ chấp thuận để tăng sức ép với chính quyền Nixon. Ngày 7/11/1972, Nixon trúng cử tổng thống, nhưng mâu thuẫn nội bộ và mâu thuẫn với chính quyền Sài Gòn tăng cao (ngày 1/11/1972, Nguyễn Văn Thiệu tuyên bố Hiệp định thỏa thuận giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là “Hiệp định đầu hàng”)¹⁶. Trong bối cảnh đó, Việt Nam chủ trương giữ vững những vấn đề nguyên tắc đã đạt được, đòi Mỹ không

được sửa đổi những nguyên tắc nhưng ngày 20/11/1972, Kissinger nêu nhiều sửa đổi và để tăng áp lực, từ ngày 18 đến ngày 30/12/1972, chính quyền Nixon đã quyết định “canh bạc cuối cùng”, dùng máy bay chiến lược B.52 đánh phá ác liệt thủ đô Hà Nội, thành phố Hải phòng và nhiều địa điểm chiến lược khác ở miền Bắc. Nhờ lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Mỹ nhất định thua. Nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”¹⁷, quân và dân Việt Nam tích cực chuẩn bị, nên đã làm nên một trận “Điện Biên Phủ trên không”¹⁸. Sau chiến thắng oanh liệt của Việt Nam trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, Mỹ đã phải chấp nhận hầu hết các yêu cầu của ta, ký Hiệp định Paris. Hiệp định Paris kết thúc giai đoạn “đánh cho Mỹ cút”, là thắng lợi trọn vẹn của chiến lược đối ngoại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hào hùng của dân tộc Việt Nam.

Hiệp định Paris ghi nhận thêm một bước thắng lợi của ngoại giao Việt Nam

Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, Hiệp định Genève về Đông Dương năm 1954 và Hiệp định Paris về Việt Nam 1973 là

những bước thắng lợi quan trọng của ngoại giao nước ta. Cả ba hiệp định đều giải quyết hai vấn đề lớn là chính trị và quân sự.

Về chính trị, cả ba hiệp định đều đề cập đến các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Do so sánh lực lượng không lợi cho ta nên Hiệp định sơ bộ chấp nhận *độc lập hạn chế*: “quốc gia tự do”, “là một phần tử trong Liên bang Đông Dương, ở trong Khối liên hiệp Pháp” và sẽ bàn “Những liên lạc ngoại giao của Việt Nam với nước ngoài”; *chủ quyền hạn chế*: để quân Pháp vào Bắc Việt Nam và *thống nhất có điều kiện*: “qua cuộc trưng cầu dân ý”.

Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Genève 1954 “cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ” của Việt Nam và “không can thiệp bất cứ dưới hình thức nào vào công việc nội bộ của họ” (Điều 12); “Cấm đem vào Việt Nam quân đội và nhân viên quân sự ngoại quốc, cũng như tất cả các vũ khí đạn dược” (Điều 4); “Không được thành lập một căn cứ quân sự nào của một nước ngoài trong những vùng tập hợp của đôi bên, không tham gia liên minh quân sự” (Điều 5); “Giới tuyến quân sự là một giới tuyến tạm thời và

không thể, trong bất cứ trường hợp nào, được hiểu như là ranh giới chính trị hay lãnh thổ” (Điều 6); Cuộc Tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7/1956 (Điều 7). Tuy nhiên, Mỹ không ký vào văn bản này.

Với Hiệp định Paris năm 1973, Mỹ là nước lớn cuối cùng đã cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nước ta (Điều 1). Hiệp định nhấn mạnh: “Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng” (Điều 9). Hơn nữa, lần này chủ thể pháp lý được mở rộng ra khắp thế giới: Đại diện 12 chính phủ dự Hội nghị quốc tế Paris về Việt Nam với sự có mặt của Tổng thư ký Liên hợp quốc đã ký Định ước quốc tế về Việt Nam, “trình trọng công nhận và triệt để tôn trọng...” và “kêu gọi tất cả các nước triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam”¹⁹.

Về quân sự, Hiệp định Paris quy định: quân Mỹ và quân nước ngoài khác phải rút hết trong 60 ngày; Mỹ phải huỷ bỏ các căn cứ

quân sự ở miền Nam; dỡ bỏ bom mìn ở miền Bắc, cam kết không dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam còn quân miền Bắc thì được ở lại miền Nam dưới công thức: “Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hoà giải và hoà hợp dân tộc” (Điều 13), tạo so sánh lực lượng rất có lợi cho ta để giải phóng miền Nam.

Về kinh tế, Hiệp định Pari quy định: Theo chính sách truyền thống của mình, Mỹ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và toàn Đông Dương (Điều 21). Công hàm của Tổng thống Nixon ghi tiền đóng góp là 3,25 tỷ USD và viện trợ khác từ 1 đến 1,5 tỷ USD.

Về tác động tới quốc tế: Hiệp định Paris một lần nữa khẳng định các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, góp phần quan trọng vào công pháp quốc tế. Đại hội IX của Hội luật gia dân chủ quốc tế họp ở Henxanhki năm 1970 và Hội nghị quốc tế luật gia lần thứ II về Đông Dương họp ở Angiê năm 1971 tuyên bố:

“Nguyên tắc tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản và dân tộc tự quyết, dưới ánh sáng của những kinh nghiệm Việt Nam, đã trở thành hòn đá tảng của công pháp quốc tế ngày nay”²⁰. Nguyên tắc pháp lý nói trên đã trở thành một quy tắc pháp lý của công pháp quốc tế, vận dụng cho tất cả các nước như nêu trong Định ước quốc tế năm 1973 về Việt Nam: “Hiệp định đáp ứng các nguyện vọng và các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và đáp ứng nguyện vọng tha thiết về hoà bình của tất cả các nước trên thế giới. Hiệp định là một cống hiến to lớn đối với hoà bình, quyền tự quyết, độc lập dân tộc và việc cải thiện quan hệ giữa các nước” (Điều 2)²¹.

Hiệp định Paris về Việt Nam (tháng 1/1973) với sự góp công của Chiến thắng B.52, đã ghi nhận thắng lợi của nhân dân Việt Nam trên những chặng đường lịch sử, tiến tới thắng lợi cuối cùng vào ngày 30/4/1975: hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Đất nước sạch bóng quân thù, bước vào giai đoạn cả nước chung tay

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo con đường XHCN. □

Chú thích:

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. CTQG, H. 2004, T.37, tr.471.
2. Hồ Chí Minh toàn tập, Nxb. CTQG, H. 2011, T.15, tr.532
3. TTXVN: Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 3/7/2007.
4. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr.629.
5. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr.630-631.
6. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr.593.
7. Sự nghiệp và tư tưởng quân sự của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 1990, tr.223-224.
8. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb. CTQG, 1995, T.2, tr.367.
9. Bộ Ngoại giao: Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam, CTQG, H. 2004, tr. 80.
10. Hồ Chí Minh toàn tập, Sdd, 2011, T.15, tr.532.
11. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr.636.
12. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr.594.
13. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, T.26, tr.595.
14. Văn kiện Đảng toàn tập, Sdd, 2003, T.26, tr. 649.
15. TTXVN: Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 3/7/2007.
16. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: Chiến thắng B.52, Nxb. Quân đội nhân dân, H. 1997, tr. 39.
17. Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: Sdd, tr.49.
18. Quân và dân Việt Nam bắn rơi 81 máy bay hiện đại, trong đó có 34 máy bay B.52. Riêng Hà Nội bắn rơi 25 chiếc B.52. (Xem: Học viện Quan hệ quốc tế, THS. Vũ Đoàn Kết (biên soạn): Chính sách đối ngoại Việt Nam, T.1, 1945-1975, H.2007, tr. 307).
19. Điều 4 và Điều 5 định ước quốc tế về Việt Nam, tháng 3/1975, tr.13.
20. Viện Luật học, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam: Những vấn đề pháp lý cơ bản, Tạp chí Luật học, số đặc biệt về Hiệp định Paris về Việt Nam, tr.12.
21. Tạp chí Luật học, Sdd, tr.13.